

round-robin tournament table

敬称略

2026/1/13

| | フリー ①戎真由佳 | Wish TC ②藤澤彰彦 | Wish TC ③磯部佐織 |
|------------------|--------------|------------------|------------------|
| フリー ①戎真由佳 | | 2 - 6 | 2 - 6 |
| Wish TC ②藤澤彰彦 | 6 - 2 | | 6 - 1 |
| Wish TC ③磯部佐織 | 6 - 2 | 1 - 6 | |



elimination tournament table

